

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN NHẬT LỆ

**NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT  
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tố tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN TẮT VIỄN***

***Phản biện 1: .....***

***Phản biện 2: .....***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng

**MỞ ĐẦU** ..... 1

**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUỒN  
CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG  
HÌNH SỰ VIỆT NAM**..... 7

1.1. Lý luận chung về nguồn chứng cứ..... 7

1.1.1. Nhận thức về nguồn chứng cứ..... 7

1.1.2. Khái niệm nguồn chứng cứ, vai trò của nguồn chứng cứ  
trong việc chứng minh tội phạm..... 10

1.2. Đặc điểm của các loại nguồn chứng cứ..... 20

1.2.1. Vật chứng..... 20

1.2.2. Lời khai của những người tham gia tố tụng ..... 21

1.3. Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự một số quốc  
gia trên thế giới..... 32

1.3.1. Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự của các  
nước theo mô hình tố tụng thẩm vấn..... 32

1.3.2. Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự của các  
nước theo mô hình tố tụng tranh tụng. .... 36

1.3.3. Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự của các  
nước theo mô hình kết hợp tố tụng tranh tụng và tố  
tụng thẩm vấn. .... 41

<b>Chương 2: NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KÌ .....</b>	<b>47</b>
2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ qua các thời kỳ lịch sử.....	47
2.1.1. Nguồn chứng cứ trong pháp luật phong kiến Việt Nam.....	47
2.1.2. Nguồn chứng cứ trong pháp luật TTHS Việt Nam từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công cho đến khi ban hành BLTTHS năm 1988.....	52
2.1.3. Pháp luật Việt Nam về nguồn chứng cứ theo bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 .....	57
2.2. Thực trạng sử dụng nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam.....	64
2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tế sử dụng nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự .....	64
2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong thực tế sử dụng nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự .....	74
<b>Chương 3: KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VÀ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ .....</b>	<b>84</b>
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự.....	84
3.2. Yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện chế định nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự .....	91
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam ....	92

3.3.1.	Về khái niệm chứng cứ.....	93
3.3.2.	Mở rộng nguồn chứng cứ .....	94
3.3.3.	Xác định quyền thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự - Luật sư, người bào chữa cũng có quyền thu thập chứng cứ.....	96
3.3.4.	Về các nguyên tắc thu thập chứng cứ .....	98
3.3.5.	Về chế định giám định .....	99
3.3.6.	Xây dựng Luật về chứng cứ nhằm nâng cao chất lượng xét xử án hình sự.....	101
3.4.	Một số kiến nghị nhằm đảm bảo hiệu quả quy định pháp luật về nguồn chứng cứ .....	103
	<b>KẾT LUẬN</b> .....	108
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	109

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đi cùng với sự phát triển của xã hội ngày nay, vấn đề tội phạm đang ngày một gia tăng và có những diễn biến hết sức phức tạp. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm luôn được Đảng và Nhà nước ta xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Để phát hiện và xử lý chính xác, khách quan tội phạm và người phạm tội, việc làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, để làm được như vậy thì cần phải có chứng cứ. Hay nói cách khác, chứng cứ là phương tiện duy nhất được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để làm sáng tỏ vụ án.

Trong bất kỳ vụ án hình sự nào, chứng cứ luôn là một vấn đề không thể thiếu nhằm chứng minh một người có thực hiện hành vi phạm tội hay không. Chỉ có chứng cứ hợp pháp mới có giá trị chứng minh tội phạm. Một trong những điều kiện để chứng cứ được coi là hợp pháp là nó phải được rút ra từ một trong các nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 64 BLTTHS Việt Nam năm 2003. Việc nghiên cứu nguồn chứng cứ nói chung và nguồn chứng cứ trong vụ án hình sự nói riêng có một ý nghĩa lớn không chỉ về mặt pháp lý mà còn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Nguồn chứng cứ được hiểu là nơi cung cấp những tài liệu quan trọng để rút ra được những chứng cứ có giá trị chứng minh sự thật khách quan của vụ án. Do đó, nếu không tìm được nguồn chứng cứ sẽ không thể có chứng cứ giải thích, làm sáng tỏ các tình tiết và diễn biến của vụ án, kéo theo hậu quả là các cơ quan tiến hành tố

tụng sẽ đưa ra những kết luận không đúng, không chính xác và không đầy đủ đối với vụ án hình sự. Việc làm rõ lý luận và thực tiễn về nguồn chứng cứ không chỉ giúp cho hoạt động nghiên cứu mà còn tạo điều kiện để nâng cao kiến thức cho các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và cá nhân hiểu đúng các quy định của pháp luật về chứng cứ và nguồn chứng cứ.

Trong những năm qua, thực hiện Nghị Quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính Trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tính đến năm 2014, chiến lược cải cách tư pháp đã đi được gần hai phần ba chặng đường, hoạt động cải cách tư pháp được các cơ quan nhà nước tiến hành một cách mạnh mẽ và đạt được một số thành tựu đáng kể, trong đó có các cải cách về hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, thu thập, kiểm tra và đánh giá các chứng cứ.

Thực tế tố tụng hình sự nước ta thời gian qua cho thấy có không ít các vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm các quy định của pháp luật trong việc phát hiện, thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ. Điều này dẫn đến giải quyết vụ án không chính xác, nhiều trường hợp đã kết án oan cho người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Những sai sót này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó việc thu thập chứng cứ không phải từ các nguồn chứng cứ hợp pháp là một trong những nguyên nhân làm cho việc đánh giá và sử dụng chứng cứ không chính xác. Thông qua luận văn này, tác giả hi vọng có thể đóng góp phần nào làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

## **2. Tình hình nghiên cứu của đề tài**

“*Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” là một đề tài mới, từ trước đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Chỉ có các công trình và các bài viết được đăng trên các báo, tạp chí có nội dung liên quan như: “*Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2003 của Trường Đại học Luật Hà Nội do ThS. Bùi Kiên Điện chủ nhiệm đề tài; “*Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Đỗ Văn Đương, Luận án tiến sĩ năm 2000; “*Một số vấn đề về các loại nguồn chứng cứ trong BLTTHS Việt Nam năm 2003*”, Trịnh Tiến Việt và Trần Thị Quỳnh, tạp chí kiểm sát số 12/2005; “*Nguồn chứng cứ: Lời khai của bị can, bị cáo*”, Vũ Xuân Thu, tạp chí kiểm sát số 10/2001... Như vậy, có thể nói ít có các công trình nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam với hình thức là một đề tài độc lập, chuyên sâu. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam là một vấn đề cần thiết.

## **3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

- *Mục đích*: Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam. Phân tích, đánh giá những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của các quy định về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự.



- *Nhiệm vụ*: Để đạt được những mục đích trên, trong quá trình nghiên cứu luận văn cần giải quyết những vấn đề sau:

1- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận (làm rõ khái niệm nguồn chứng cứ, phân biệt khái niệm “nguồn chứng cứ” với một số khái niệm khác như: Khái niệm chứng cứ, khái niệm phương tiện chứng minh...). Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự, có sự so sánh với pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới;

2- Đánh giá thực tiễn áp dụng những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ;

3- Chỉ rõ những hạn chế trong những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ;

4- Đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật tố tụng hình sự về nguồn chứng cứ và một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn chứng cứ trong thực tế.

- *Đối tượng*: Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Đánh giá thực tiễn áp dụng và chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong quá trình áp dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự.

- *Phạm vi*: Luận văn nghiên cứu về nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam một cách tổng thể trong phạm vi chung của tất cả giai đoạn tố tụng: Điều tra; truy tố; xét xử vụ án hình sự; trong đó chủ yếu tập trung trong phạm vi khoa học và thực tiễn luật tố tụng hình sự Việt Nam.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

- *Phương pháp nghiên cứu:* Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng...

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn còn kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp: Hệ thống; logic; phân tích; tổng hợp; so sánh; khảo sát thực tế để chọn lựa tri thức khoa học, kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam, từ đó làm sáng tỏ nội dung của luận văn.

- *Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:*

Việc làm rõ lý luận và thực tiễn của nguồn chứng cứ có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp nâng cao nhận thức không chỉ của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng mà còn đối với mọi tổ chức và cá nhân.

- Góp phần quan trọng để giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan, chính xác và đúng pháp luật.

#### **5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn**

Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sỹ luật học về nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự mà trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn liên

quan tới nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam. Những điểm mới cơ bản của luận văn là:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật Việt Nam về nguồn chứng cứ trong luật TTHS, trên cơ sở đó có sự so sánh với pháp luật TTHS của một số nước trên thế giới;

- Làm rõ khái niệm nguồn chứng cứ, phân biệt khái niệm nguồn chứng cứ với một số khái niệm khác như: Khái niệm chứng cứ, khái niệm phương tiện chứng minh...;

- Nghiên cứu, đánh giá làm sáng tỏ tình hình áp dụng các quy định pháp luật về nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự; những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cũng như nguyên nhân của tồn tại, hạn chế đó.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự, đảm bảo giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, lời cảm ơn và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

## *Chương 1*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Trong chương này, Tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về nguồn chứng cứ, cụ thể là lập luận và đưa ra khái niệm về nguồn chứng cứ, phân biệt khái niệm nguồn chứng cứ với một số khái niệm khác như: Khái niệm chứng cứ, khái niệm phương tiện chứng minh, phân tích vai trò của nguồn chứng cứ trong việc chứng minh tội phạm; đặc điểm của các loại nguồn chứng cứ, có sự so sánh với pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới.

### **1.1. Lý luận chung về nguồn chứng cứ**

**1.1.1. Nhận thức về nguồn chứng cứ:** Lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nhận thức thế giới được sử dụng như là cơ sở khoa học của nguồn chứng cứ và việc chứng minh thông qua những một số quan điểm cơ bản: *Thứ nhất*, vụ án hình sự được phản ánh bởi con người và các vật; *Thứ hai*, con người có khả năng nhận thức được sự thật khách quan của vụ án hình sự. *Thứ ba*, học thuyết về nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng là cơ sở phương pháp luận đặc biệt quan trọng trong lý luận về nguồn chứng cứ trong luật tố tụng hình sự nước ta. Tinh thần cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về nhận thức là “*từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan*”; *Thứ tư*, phương pháp biện chứng đặt nền móng cho việc áp dụng các quy luật của phép biện chứng duy vật vào quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ

## ***1.1.2. Nguồn chứng cứ, vai trò của nguồn chứng cứ trong việc chứng minh tội phạm***

### ***1.1.2.1. Khái niệm nguồn chứng cứ***

Khái niệm nguồn chứng cứ là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học luật tố tụng hình sự. Lịch sử pháp luật TTHS cho thấy, trải qua các thời kỳ phát triển của loài người, có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn chứng cứ. Qua phân tích các quan điểm khác nhau về khái niệm "nguồn chứng cứ", tác giả đưa ra khái niệm "nguồn chứng cứ" như sau: *Nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự được hiểu là nơi chứa đựng những thông tin tồn tại một cách khách quan, có liên quan đến vụ án hình sự, được các chủ thể có thẩm quyền thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tính hợp pháp của chứng cứ đối với mỗi vụ án cụ thể, nhằm giúp giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.*

### ***1.1.2.2. Vai trò của nguồn chứng cứ trong việc chứng minh tội phạm***

Nguồn chứng cứ là một yếu tố quan trọng, không thể thiếu trong hoạt động TTHS, nó đóng vai trò quan trọng xuyên suốt trong suốt các giai đoạn điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự là vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn cao. Nguồn chứng cứ là nơi cung cấp phương tiện để các cơ quan tiến hành tố tụng xác định được sự thật của vụ án; Nguồn chứng cứ là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng ra các quyết định cần thiết để giải quyết đúng đắn vụ án; Nguồn chứng cứ là phương tiện để người tham gia tố tụng bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Có thể thấy Nguồn chứng cứ là một trong những vấn đề có vị trí đặc biệt quan trọng trong lý luận cũng như trong thực tiễn của hoạt động tố tụng hình sự. Nguồn chứng cứ là căn cứ pháp lý để cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết đúng đắn và chính xác vụ án hình sự. Việc nhận thức đúng vấn đề nguồn chứng cứ sẽ là cơ sở lý luận, định hướng đúng đắn cho quá trình thu thập, nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá chứng cứ qua đó góp phần lớn vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm đang hết sức gian nan ở nước ta.

## **1.2. Đặc điểm của các loại nguồn chứng cứ**

Tác giả đã phân tích nội dung, đặc điểm của từng loại nguồn chứng cứ gồm: **Vật chứng** là một nguồn chứng cứ quan trọng đầu tiên mà thông qua nó, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể chứng minh được sự việc phạm tội hoặc xác định hướng điều tra về sau; **Lời khai của những người tham gia tố tụng** được coi là nguồn chứng cứ bao gồm: Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Đây là một nguồn chứng cứ rất quan trọng Lời khai của các đối tượng trên được hình thành từ tư duy, ý thức của con người. Chính vì vậy, tính khách quan của lời khai không được đảm bảo như vật chứng, đặc biệt là trong trường hợp người khai báo lại có mối liên quan ít hay nhiều đến vụ án. Tùy từng đối tượng tham gia với tư cách nào trong vụ án và mối quan hệ của họ với nhau mà mỗi lời khai lại có những ảnh hưởng của đặc điểm tâm lý khác nhau. **Kết luận giám định** là loại nguồn chứng cứ quan trọng vì các chứng cứ

này được dựa trên những cơ sở của các thành tựu khoa học - nó là một phán quyết mang tính khoa học và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người nên đối với quá trình làm rõ sự thật của vụ án, giá trị chứng minh của kết luận giám định bao giờ cũng mang tính khách quan hơn các nguồn chứng cứ khác. ***Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác*** cũng có thể được coi là nguồn chứng cứ khi đáp ứng các điều kiện do luật định.

### **1.3. Nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới**

Thông qua kết quả nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới về nguồn chứng cứ bao gồm các nước theo mô hình tố tụng thẩm vấn, mô hình tố tụng tranh tụng, mô hình kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng, tác giả rút ra một số nhận xét sau: ***Thứ nhất***, quy định về nguồn chứng cứ, pháp luật TTHS của một số quốc gia như Liên bang Nga, Trung Quốc... cũng có quy định định nghĩa pháp lý của khái niệm vật chứng, khái niệm lời khai của bị can, khái niệm lời khai của người bị hại, khái niệm kết luận của người giám định, biên bản hoạt động điều tra và biên bản phiên tòa, các tài liệu khác. Còn các quốc gia khác không có quy định cụ thể về vấn đề này mà chỉ quy định thế nào là chứng cứ. ***Thứ hai***, về khái niệm chứng cứ và các thuộc tính của chứng cứ: Pháp luật tố tụng hình sự của các nước đều đã có quy định và định nghĩa pháp lý về khái niệm chứng cứ. Mặc dù hình thức diễn đạt khác nhau, nhưng nội hàm của những khái niệm đó có một số điểm chung bao gồm: 1) Chứng cứ tồn tại trong thực tế khách quan hoặc phản ánh

đúng thực tế khách quan; 2) Chứng cứ có liên quan đến vụ án hình sự, được các cơ quan tiến hành tố tụng dùng làm căn cứ để xác định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự hay những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án; 3) Chứng cứ được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Luật TTHS của các quốc gia đều có các quy định về nguyên tắc loại trừ chứng cứ với nội dung xác định những điều kiện về giá trị chứng minh của chứng cứ, ghi nhận nguyên tắc cho phép Tòa án tuyên bố những chứng cứ thu thập được bằng biện pháp trái pháp luật không có giá trị trước Tòa án. **Thứ ba**, về nguyên tắc đánh giá chứng cứ: nguyên tắc đánh giá chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam khác với nguyên tắc tự do đánh giá chứng cứ dựa trên niềm tin nội tâm của thẩm phán được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới như một số nước Châu Âu, Mỹ... và trong lý luận pháp lý tư sản về tự do đánh giá chứng cứ. **Thứ tư**, về tài liệu trình sát, băng ghi âm, ghi hình: Cũng như Việt Nam, Luật tố tụng hình sự nhiều nước trên thế giới không quy định việc sử dụng các tài liệu trình sát làm chứng cứ để giải quyết vụ án hình sự. Luật tố tụng hình sự một số nước Châu Âu và Hòa Kỳ quy định các, nguồn chứng cứ bằng ghi âm, ghi hình nếu phù hợp với quy định của pháp luật cũng được coi là nguồn chứng cứ; nguồn chứng cứ “*băng ghi âm, ghi hình*” cũng là một cơ sở pháp lý đặc biệt quan trọng để buộc tội người thực hiện hành vi phạm tội trước toà, trong khi đó, Luật tố tụng hình sự Việt Nam lại không quy định vấn đề này. Xét thấy, nguồn chứng cứ bằng “ghi âm”, “ghi hình” là một



nguồn chứng cứ có giá trị đặc biệt quan trọng trong giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan, đúng pháp luật và cần thiết đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là một kinh nghiệm tiên tiến cần được nghiên cứu, tiếp thu, tạo cơ sở pháp lý mở rộng nguồn chứng cứ, ghi nhận một cách sinh động kết quả các hoạt động điều tra. *Thứ năm*, pháp luật tố tụng hình sự các nước có điểm chung trong tương quan với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khái niệm chứng cứ, phân loại chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ, quy định về thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ v.v... từ đó làm tư liệu quý báu để các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hiện hành về chứng cứ.

## *Chương 2*

### **NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KÌ**

#### **2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ qua các thời kỳ lịch sử**

##### ***2.1.1. Nguồn chứng cứ trong pháp luật phong kiến Việt Nam.***

Nghiên cứu về chế định chứng cứ trong lịch sử lập pháp TTHS nước ta, trên cơ sở phân tích một số quy định về nguồn chứng cứ trong Bộ luật Hồng Đức, Hoàng Việt luật lệ, tác giả đã nêu rõ: Pháp luật phong kiến Việt Nam thời kỳ phong kiến chịu sự ảnh hưởng nặng nề của pháp luật Thanh triều, tuy còn nhiều hạn chế song nó cũng đã thể hiện tính dân tộc, là kết quả của sự sáng tạo trên nền tảng của luật pháp Trung Quốc vào hoàn cảnh thực tế của nước ta, đã có những quy định về chứng cứ, nguồn

chứng cứ làm nền tảng cho các bộ luật tố tụng hình sự sau này kế thừa và phát huy, có những quy định tiên bộ hơn.

### ***2.1.2. Nguồn chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ khi Cách mạng Tháng tám năm 1945 thành công cho đến khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988***

Sau Cách mạng Tháng tám năm 1945, Việt Nam giành được độc lập, chế định nguồn chứng cứ tiếp tục hình thành và phát triển gắn liền với sự phát triển của hệ thống pháp luật. Trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự, quy định về chứng cứ nhìn chung còn chưa thành hệ thống và chưa đầy đủ. Các quy định này nằm rải rác trong một số văn bản pháp luật. Qua việc nghiên cứu các nội dung về những quy định ban đầu về chế định chứng cứ tại các văn bản quy phạm pháp luật, tác giả rút ra các nhận xét sau:

*Thứ nhất*, ngay từ năm 1956, tức là chỉ sau hai năm sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Nhà nước ta đã quan tâm đến vấn đề thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ từ lời khai của bị can, bị cáo; pháp luật tố tụng hình sự đã nghiêm cấm sử dụng các biện pháp bắt hợp pháp như mớm cung, bức cung hay trấn áp bị can, bị cáo dưới bất kỳ hình thức nào trong việc thu thập lời khai của bị can, bị cáo.

*Thứ hai*, luật TTHS Việt Nam đã quy định về việc phải kiểm tra, xác minh lời thú tội của bị can, bị cáo, so sánh, đối chiếu với những chứng cứ khác của vụ án, không được dùng lời khai của bị can, bị cáo là chứng cứ duy nhất để kết tội.

*Thứ ba*, nguyên tắc suy đoán vô tội đã được pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chính thức thừa nhận. Đây có thể nói là bước tiến bộ về kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự của nước ta.

Năm 1988, Bộ luật TTHS đầu tiên ở nước ta được ban hành có sự kế thừa và phát triển pháp luật TTHS của Nhà nước ta trước đó với tinh thần đổi mới trên mọi mặt của đời sống xã hội. Sau năm 1945, từ Hiến pháp năm 1959 đến Hiến pháp năm 1980, tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp và hệ thống pháp luật nước ta chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của mô hình Xô viết. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, sự ảnh hưởng này được thể hiện đậm nét trong Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên của nước ta ban hành năm 1988 và vẫn tiếp tục ảnh hưởng trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

### ***2.1.3. Pháp luật Việt Nam về nguồn chứng cứ theo bộ luật tố tụng hình sự năm 2003***

Trên cơ sở kế thừa và phát huy, hoàn thiện các quy định về chứng cứ trong BLTTHS 1988, tiếp thu những quy định tiến bộ của pháp luật thế giới và xuất phát từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta, BLTTHS Việt Nam năm 2003 đã có những quy định cụ thể về chứng cứ và nguồn chứng cứ. Các quy định về nguồn chứng cứ trong BLTTHS năm 2003 dựa trên quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin, kế thừa BLTTHS 1988, đã thể hiện được vấn đề bản chất của chứng cứ và là căn cứ pháp lý cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, tích cực vào việc làm rõ các sự thật khách quan của vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, khái niệm chứng cứ và cách quy định về nguồn chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 vẫn chịu ảnh hưởng khá nhiều bởi tư duy lập pháp của các luật gia Xô Viết, đi từ dấu hiệu cơ bản đến xem xét và xác định chứng cứ. Điều này đặt

ra những khó khăn nhất định khi nhận thức về vấn đề chứng cứ và nguồn chứng cứ. Nhiều người chưa hiểu đúng về khái niệm nguồn chứng cứ mà vẫn đứng giữa ranh giới giữa khái niệm chứng cứ, khái niệm nguồn chứng cứ hay khái niệm phương tiện chứng minh; việc xác định nguồn chứng cứ như trên dẫn đến những cách hiểu khác nhau và thực tế áp dụng các quy định pháp luật về chứng cứ và nguồn chứng cứ còn nhiều vướng mắc, bất cập, đặt ra yêu cầu tất yếu cần có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp.

## **2.2. Thực trạng sử dụng nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam**

### ***2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tế sử dụng nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự***

Có thể thấy rõ hiệu quả của việc áp dụng các quy định của pháp luật về chứng cứ và nguồn chứng cứ trong thực tế giải quyết các vụ án hình sự như sau:

*Một là*, các CQTHTT đã chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm chứng cứ, xác định sự thật khách quan của vụ án; kiểm soát và kiểm chế sự gia tăng của tình hình tội phạm, bảo đảm giữ vững trật tự an toàn xã hội và bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân.

*Hai là*, tình hình thụ lý, xét xử các vụ án hình sự đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đại đa số các bản án sơ thẩm tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được nhân dân đồng tình, các bị cáo và người bị hại chấp nhận

*Ba là*, thực tiễn cho thấy, phần lớn các vụ án mà chứng cứ đơn

giảm, rõ ràng thì bị can, bị cáo thành khẩn nhận tội, tại phiên tòa xét xử, ngoài trình tự, thủ tục thẩm vấn, kiểm tra chứng cứ, không có việc tranh luận, các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, cải tạo tốt để sớm trở về gia đình, xã hội. Nhờ đó, quá trình giải quyết vụ án được thực hiện rất nhanh chóng, nhưng vẫn đảm bảo các quyền công dân, quyền con người trong tố tụng hình sự, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đáp ứng những đòi hỏi của xã hội

Có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động áp dụng các quy định về nguồn chứng cứ trong những năm gần đây thông qua các số liệu thống kê của Ngành Tòa án từ năm 2009 đến năm 2012 về số vụ án đã được giải quyết theo thủ tục xét xử sơ thẩm; thủ tục phúc thẩm; giám đốc thẩm, tái thẩm; tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy; tỷ lệ các bản án, quyết định bị sửa.

### ***2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong thực tế sử dụng nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự***

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc áp dụng các quy định của pháp luật TTHS về nguồn chứng cứ trong thực tiễn vẫn còn những vướng mắc, hạn chế nhất định, hoạt động thu thập, sử dụng chứng cứ của Các CQTHTT còn bộc lộ không ít những khiếm khuyết cần được khắc phục kịp thời: ***Thứ nhất, việc phát hiện, thu thập chứng cứ không khách quan, đầy đủ:*** thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ từ lời khai của bị can, bị cáo, người làm chứng; ***Thứ hai, về vấn đề giám định:*** Chế định giám định trong pháp luật tố tụng hình sự nước ta còn đơn giản; thẩm quyền trưng cầu giám định tuy pháp luật quy định cho cả ba cơ quan tiến hành tố

tụng nhưng thực tế, chủ yếu là cơ quan điều tra, còn Viện kiểm sát và Tòa án ít khi trung cầu giám định; những trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định theo quy định tại Khoản 3 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 còn chưa đầy đủ; ***Thứ ba, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nguyên tắc kiểm tra, đánh giá chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật***

### ***Chương 3***

## **KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VÀ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

### **3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ trong các vụ án hình sự**

Từ những phân tích lý luận và thực tiễn về nguồn chứng cứ của các CQTHTT, tác giả đã nêu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ trong bối cảnh chung của cải cách tư pháp hiện nay. Đồng thời nêu rõ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp đáp ứng yêu cầu đổi mới trong các Nghị quyết của Đảng: Đổi mới thủ tục tố tụng hình sự phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm những nguyên tắc của pháp luật quốc tế về tôn trọng quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, không để xảy ra các trường hợp oan, sai;

Đổi mới quy định của pháp luật đáp ứng yêu cầu hội nhập, phù hợp với xu hướng chung tiến bộ, dân chủ, công bằng, văn minh; Đổi mới các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguồn chứng cứ đảm bảo tạo điều kiện cho người bào chữa tham gia tố tụng, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng giữa hai bên buộc tội và gỡ tội trong quá trình đi tìm sự thật của vụ án; Đổi mới thủ tục tố tụng hình sự, trong đó có các quy định về chứng cứ xuất phát từ thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hiện hành còn nhiều bất cập

### **3.2. Yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện chế định nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự**

Việc đổi mới, hoàn thiện chế định nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự phải đáp ứng các yêu cầu: *Một là*, phải xuất phát từ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, từ nhu cầu điều tra, xử lý các hành vi phạm tội trong tình hình mới để mở rộng các biện pháp chứng minh và nguồn ghi nhận chứng cứ. *Hai là*, phải đảm bảo phù hợp với việc hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự nước ta trong thời gian tới, phân định rõ vị trí, chức nhiệm của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. *Ba là*, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành. *Bốn là*, phải có tính khả thi, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta, nhất là về cơ sở vật chất, trình độ, năng lực của điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán. *Năm là*, phải trên cơ sở kế thừa những quy định hiện hành đang phát huy hiệu lực, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm tiên tiến của các nước trong hoạt động thu thập, kiểm tra và đánh giá và sử dụng chứng cứ.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về nguồn chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự**

Từ sự phân tích ở trên, tác giả đề xuất hoàn thiện chế định nguồn chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam: 1. Sửa lại khái niệm về chứng cứ; 2. Mở rộng nguồn chứng cứ: Bổ sung thêm các loại nguồn chứng cứ: Kết luận của Hội đồng định giá tài sản; Âm thanh, hình ảnh, tiếng nói, chữ viết liên quan đến việc chứng minh tội phạm do các phương tiện ghi âm, ghi hình và các phương tiện công nghệ thông tin khác lưu lại; Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp. 3. Xác định quyền thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự - Luật sư, người bào chữa cũng có quyền thu thập chứng cứ; 4. Bổ sung thêm các nguyên tắc thu thập chứng cứ; quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trưng cầu và thực hiện giám định; 5. Xây dựng Luật về chứng cứ nhằm nâng cao chất lượng xét xử án hình sự.

### **3.4. Một số kiến nghị nhằm đảm bảo hiệu quả quy định pháp luật về nguồn chứng cứ**

Bên cạnh các kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự quy định về nguồn chứng cứ, tác giả cũng đưa ra những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về chứng cứ và nguồn chứng cứ.

*Thứ nhất*, cần tăng cường, bổ sung nhân lực cho các Cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải trong điều tra, truy tố, xét xử, ảnh hưởng đến chất lượng thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ.



*Thứ hai*, cần kịp thời quan tâm, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ pháp luật và ý thức trách nhiệm cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhằm bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ về công tác thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ bằng việc thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lĩnh vực này.

*Thứ ba*, cần phối hợp chặt chẽ giữa các CQTTT trong việc thu thập chứng cứ để đảm bảo chứng cứ được thu thập một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, nhất là trong giai đoạn điều tra.

*Thứ tư*, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho các CQTTT nhằm giúp các hoạt động thu thập chứng cứ diễn ra thuận lợi và phải bổ sung kịp thời các phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến cho việc phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ theo như Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

*Thứ năm*, tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm có tính chất quốc tế nhất là trong lĩnh vực trao đổi thông tin về tội phạm với INTERPOL và ASEANPOL.

## KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học *Nguồn chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

1. Nghiên cứu lịch sử pháp luật TTHS Việt Nam về nguồn chứng cứ cho thấy: khái niệm nguồn chứng cứ và các vấn đề có liên

quan đến quy định về nguồn chứng cứ có sự hình thành và phát triển gắn với sự phát triển của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng.

2. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật TTHS của một số nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Liên bang Nga, Trung Quốc... thấy: pháp luật tố tụng hình sự các nước đó có điểm tương quan với pháp luật TTHS Việt Nam về vấn đề nguồn chứng cứ... từ đó làm tư liệu để các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS hiện hành về nguồn chứng cứ và các vấn đề có liên quan.

3. Thực tiễn cho thấy, việc áp dụng những quy định của pháp luật TTHS Việt Nam năm 2003 về nguồn chứng cứ để giải quyết các vụ án hình sự còn nhiều tồn tại, thiếu sót đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về nguồn chứng cứ nhằm thực hiện đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân hiện nay.

4. Trên cơ sở phân tích trên, tác giả đề xuất hoàn thiện quy định về nguồn chứng cứ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và đưa ra những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật TTHS về nguồn chứng cứ.